TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/KDTM-ST
Ngày: 16/5/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Hữu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Phước Tâm

2. Ông Trần Văn Bé Hai

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 25 tháng 4 và 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2023/TLST-KDTM ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán", theo Quyết định đưa vụa án ra xét xử số: 87a/2023/QĐXXST-KDTM ngày 06/03/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 96/2023/QĐST-KDTM ngày 04/4/2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 15/2023/QĐST-KDTM ngày 25/4/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Xây dựng M (viết tắt là Công ty M);

Địa chỉ: Quốc lộ XX, ấp A, xã A1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Mai A - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Mai A là bà Nguyễn Thị Thúy A1 - Chức vụ: Kế toán; Địa chỉ: số XX, tổ X, ấp H, xã H1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 02/11/2022).

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kỹ thuật A (viết tắt là Công ty A);

Địa chỉ: số YQuốc lộ X, phường T, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Long N - Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ liên hệ: Tổ X, ấp B, xã B1, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

(bà Thúy A1 có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ghi ngày 02/11/2022, đơn khởi kiện bổ sung ghi ngày 16/02/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại các phiên tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy A1 trình bày:

Ngày 12/01/2021, Công ty M có cung cấp và bơm bê tông tươi cho Công ty A để thi công công trình Nhà xưởng nằm trên địa bàn quốc lộ 80, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Công ty M đã ký hợp đồng số 04/2021/HĐKT-MK-A ngày 12/01/2021. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty M có tiến hành ký bảng xác nhận khối lượng với Công ty A theo đó Công ty M đã cung cấp cho Công ty A 88m^3 bê tông mác 200 và 100m^3 bê tông mác 250 vào ngày 17/01/2022. Ngày 18/01/2022, Công ty M có tiến hành xuất hóa đơn điện tử cho Công ty A xác định tổng số tiền Công ty A còn nợ Công ty M theo hóa đơn số 1727, ký hiệu MK/20E ngày 18/01/2022 số tiền là 244.880.000 đồng (Hai trăm bốn mươi bốn triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng). Mặc dù, Công ty M đã nhiều lần liên hệ, nhắc nhở, nhưng đến nay Công ty A vẫn chưa thanh toán số nợ trên cho Công ty M.

Công ty M yêu cầu Công ty A do ông Nguyễn Long N làm đại diện theo pháp luật có nghĩa vụ trả cho Công ty M số tiền 244.880.000 đồng (Hai trăm bốn mươi bốn triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng). Ngoài ra, Công ty M yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 19/01/2021 đến ngày 02/11/2022 với số tiền lãi phát sinh thêm là 244.880.000 đ x 0,83%/tháng x 9,57 tháng là 19.451.063 đồng. Tổng cộng, Công ty M yêu cầu Công ty A có nghĩa vụ trả số tiền là 244.880.000 đồng (gốc) + 19.451.063 đồng (lãi) = 264.331.063 đồng và tiếp tục tính lãi cho đến khi vụ kiện kết thúc.

Tại các phiên tòa sơ thẩm Công ty M xác định Công ty A đã trả số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 16/03/2023 và số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 04/4/2023. Ngày 04/4/2023 giữa Công ty M và Công ty A có biên bản đối chiếu công nợ thể hiện Công ty A còn nợ Công ty M số tiền 164.880.000 đồng. Nay, Công ty M yêu cầu Công ty A có nghĩa vụ trả tiền vốn gốc 164.880.000 đồng, tiền lãi của số tiền 164.880.000 đồng, tính từ ngày 04/4/2023 đến ngày 16/5/2023 (01 tháng 12 ngày), mức lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền là 1.915.900 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 166.795.900 đồng. Công ty M xác định mức lãi suất cho vay ngắn hạn vào tháng 4/2023 của Ngân hàng BIDV là 0,98%/tháng, Ngân hàng AGRIBANK là 1%/tháng, Ngân hàng SACOMBANK là 0,83%/tháng. Do đó, mức lãi suất 0,83%/tháng mà Công ty M yêu cầu là thấp hơn mức lãi suất trung bình các Ngân hàng tại địa bàn huyện Cao Lãnh.

- Công ty A đã được triệu tập hợp lệ tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và tại các phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ý kiến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Công ty M yêu cầu Công ty A trả số tiền nợ gốc và lãi chậm thực hiện nghĩa vụ do vi phạm hợp đồng cung cấp bê tông công trình nên quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định tại Điều 24 của Luật thương mại năm 2005.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo Điều 6 của hợp đồng kinh tế số 04/2021/HĐKT-MK-A ngày 12/01/2021 các bên thỏa thuận khi phát sinh tranh chấp thì các bên có quyền khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp thụ lý, giải quyết là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Công ty A đã được triệu tập hợp lệ tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và tại các phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty M yêu cầu Công ty A có nghĩa vụ trả tiền vốn gốc 164.880.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 04/4/2023 đến ngày 16/5/2023 (01 tháng 12 ngày), mức lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền là 1.915.900 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 166.795.900 đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

[5] Căn cứ hợp đồng kinh tế số 04/2021/HĐKT-MK-A ngày 12/01/2021 được ký kết giữa Công ty M và Công ty A nên xác định thực tế giữa Công ty M và Công ty A có ký kết hợp đồng kinh tế về việc mua bán bê tông thương phẩm. Căn cứ các bảng xác nhận khối lượng ngày 17/01/2022, hóa đơn giá trị gia tăng số 1727, ký hiệu MK/20E ngày 18/01/2022, biên bản đối chiếu công nợ ngày 04/4/2023 xác định Công ty M đã cung cấp cho Công ty A 88m^3 bê tông mác 200 và 100m^3 bê tông mác 250 vào ngày 17/01/2022 thành tiền 244.880.000 đồng. Công ty A đã trả số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 16/03/2023 và số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 04/4/2023, còn nợ vốn gốc 164.880.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử buộc Công ty A có nghĩa vụ trả cho Công ty M số tiền vốn gốc 164.880.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 50 Luật thương mại năm 2005.

[6] Xét yêu cầu của Công ty M yêu cầu Công ty A trả tiền lãi do chậm thanh toán cụ thể: tiền lãi của số tiền 164.880.000 đồng, tính từ ngày 04/4/2023 đến ngày 16/5/2023 (01 tháng 12 ngày), mức lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền là 1.915.900 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định của Điều 5 hợp đồng kinh tế số: 04/2021/HĐKT-MK-A các bên thỏa thuận "... được quyền thanh toán và tiền lãi khi bên B chậm thanh toán". Tại phiên tòa, Công ty M xác định lãi suất cho vay vào tháng 4/2023 ngắn hạn của Ngân hàng BIDV là 0,98%/tháng, Ngân hàng AGRIBANK là 1%/tháng, Ngân hàng SACOMBANK là 0,83%/tháng. Do đó, Công ty M yêu cầu Công ty A trả lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng là thấp hơn mức lãi suất trung bình của 03 Ngân hàng. Do đó, Hội đồng xét xử buộc Công ty A có nghĩa vụ trả tiền lãi cụ thể: tiền lãi của số tiền 164.880.000 đồng, tính từ ngày 04/4/2023 đến ngày 16/5/2023 (01 tháng 12 ngày), mức lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền là 1.915.900 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại năm 2005.

[7] Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 24, 50, 306 Luật thương mại năm 2005 chấp nhận yêu cầu của Công ty M, buộc Công ty A có nghĩa vụ trả cho

Công ty M số tiền nợ vốn 164.880.000 đồng, tiền lãi 1.915.900 đồng, tổng cộng 166.795.900 đồng.

Về án phí:

[8] Do chấp nhận yêu cầu của Công ty M nên Công ty A phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể tiền án phí được tính như sau: 166.795.900 đồng x 5% = 8.339.700 đồng. Công ty M được nhận lại số tiền 6.608.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0014769 ngày 01/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 40, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, 50, 306 của Luật thương mại năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần xây dựng M. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn kỹ thuật A có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần xây dựng M số tiền nợ vốn 164.880.000 đồng, tiền lãi 1.915.900 đồng, tổng cộng 166.795.900 đồng (Một trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi lăm ngàn chín trăm đồng).

- Trường hợp bên thanh toán chậm thanh toán còn phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo mức lãi suất 0,83%/tháng cho đến thi hành xong bản án.

- Về án phí:

+ Công ty trách nhiệm hữu hạn kỹ thuật A phải chịu 8.339.700 đồng tiền án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm.

+ Công ty cổ phần xây dựng M được nhận lại số tiền 6.608.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0014769 ngày 01/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

- Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa

- VKS HCL;
- CCTHADS HCL;
- Lưu.

Trần Hữu Hà